TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 480/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Nhì

2. Ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thơi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 597/2016/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lương Bá H**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 231/71/60G đường BT, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn T** – thuộc Văn phòng Luật sư SGV, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Thái Tuyết Ph**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 231/71/60G đường BT, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Đoàn Văn N** – thuộc Công ty Luật TNHH NĐ, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2016 cùng các bản tự khai, các biên bản giải nguyên đơn ông Lương Bá H trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân : Ông và bà Thái Tuyết Ph tự nguyện sống chung vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 06/12/2002). Vợ chồng sống chung với nhau được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông nhận thấy trong thời gian sống chung, hai bên xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông xin được ly hôn với bà Thái Tuyết Ph.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lương Quốc H, sinh ngày 05/3/2000 và Lương Quốc Q, sinh ngày 23/02/2002. Khi ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Lương Quốc Q, sinh năm 2002. Không yêu cầu bà Thái Tuyết Ph cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung. Riêng đối với hai căn nhà đất số 231/71/60G BT, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh và số 1560/7/22 Tỉnh lộ M, khu phố 2, phường TT, quận BTa, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản do ông tự tạo lập trước thời kỳ hôn nhân. Do đó, đối với yêu cầu phản tố của bà Thái Tuyết Ph, ông không đồng ý.

Về sửa chữa, cải tạo nhà đất: Trong quá trình sống chung, ông không sửa chữa, cải tạo hay làm gia tăng giá trị hai căn nhà trên. Do đó, ông không yêu cầu trong vụ án này.

Về nợ chung: Trước đây, tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, ông H có yêu cầu bà Thái Tuyết Ph cùng với ông trả nợ Ngân hàng TMCP SGCT với số tiền là 150.000.000đồng. Tuy nhiên, tại đơn xác định rõ yêu cầu khởi kiện ngày 03/5/2018 và tại biên bản hòa giải ngày 17/5/2018, ông H xác định là ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung trong vụ án này. Trường hợp có yêu cầu, ông sẽ làm đơn khởi kiện trong một vụ án khác.

**Tại các bản tự khai và các biên bản hòa giải bị đơn bà Thái Tuyết Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lương Bá H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 06/12/2002). Vợ chồng sống chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà nhận thấy trong thời gian sống chung, hai bên xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đồng ý ly hôn với ông Lương Bá H.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lương Quốc H, sinh ngày 05/3/2000 và Lương Quốc Q, sinh ngày 23/02/2002. Bà Ph đề

nghị được trực tiếp nuôi trẻ Lương Quốc Q vì đó cũng là nguyện vọng của cháu, bà yêu cầu ông Lương Bá H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là hai căn nhà số 231/71/60G BT, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà 1560/7/22 Khu phố 2, Tỉnh lộ M, phường TT, quận BTa, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ông Lương Bá H cho rằng đó là tài sản riêng của ông H là không đúng. Do đó, Bà Ph có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu Tòa án chia theo hiện vật để bà và các con có nhà sinh sống. Theo đó tại đơn bổ sung yêu cầu phản tố, Bà Ph đề nghị Tòa án giao quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 231/71/60G (số cũ 231/24 Bis 1) BT, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh và bà đồng ý trả cho ông H số tiền chênh lệch khi nhận nhà đất trên.

Về sửa chữa, cải tạo nhà đất: Trong quá trình chung sống, Bà Ph xác định không sửa chữa, cải tạo hay làm gia tăng giá trị hai căn nhà trên.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 10/5/2018, trẻ Lương Quốc Q có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Thái Tuyết Ph.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Luật sư Nguyễn Văn T – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Ông Lương Bá H vẫn giữ yêu cầu đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Bá H đươc ly hôn với bà Thái Tuyết Ph; Về vấn đề con chung: Tùy theo nguyện vọng của cháu Lương Quốc Q sẽ giao cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận; Về tài sản chung do bị đơn rút yêu cầu phản tố nên đồng ý giải quyết tại vụ án khác khi có yêu cầu; Về nợ chung không có yêu cầu giải quyết.

Ông Lương Bá H đồng ý với trình bày của Luật sư, xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Do đó, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn; về con chung, ông yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Lương Quốc Q, không yêu cầu bà Thái Tuyết Ph cấp dưỡng, trường hợp Hội đồng xét xử giao trẻ Quân cho Bà Ph nuôi dưỡng, ông chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng.

Luật sư Đoàn Văn N – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Do vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, nên trước yêu cầu ly hôn của ông Lương Bá H thì bà Thái Tuyết Ph cũng đồng ý, vì hiện nay không thể hàn gắn được hạnh phúc. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Lương Quốc Q cho bà Thái Tuyết Ph trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý việc ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2018. Bà Thái Tuyết Ph rút lại yêu cầu phản tố về việc phân chia tài sản chung là hai căn nhà tọa lạc tại số 231/71/60G BT, Phường T, Quận S và số 1560/7/22 Khu phố 2,

Tỉnh lộ M, phường TT, quận BTa, Thành phố Hồ Chí Minh, và sẽ khởi kiện lại khi có yêu cầu. Về nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bà Thái Tuyết Ph đồng ý với ý kiến của Luật sư, xác định việc rút lại yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Lương Bá H và bà Thái Tuyết Ph có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông H, Bà Ph có 02 con chung, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H có yêu cầu ly hôn, Bà Ph đồng ý. Xét thấy không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông H xin ly hôn với Bà Ph và Bà Ph cũng đồng ý nên có cơ sở chấp nhận. Về con chung, trẻ Lương Quốc Q, sinh ngày 23/02/2002 có nguyện vọng được ở với mẹ, nên giao con chung cho Bà Ph chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn và ghi nhận việc ông H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2018. Về tài sản chung: Do Bà Ph rút lại yêu cầu phản tố về phân chia tài sản chung, nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Viện kiểm sát nhân dân Quận S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và ý kiến của Bà Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại địa chỉ 231/71/60G đường BT, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lương Bá H và bà Thái Tuyết Ph tự nguyện chung sống và kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận MM; được Ủy ban nhân dân Phường B, Quận MM cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 06/12/2002 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Lương Bá H và bà Thái Tuyết Ph là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.2] Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ năm 2014, ông H, Bà Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ không quan tâm, chăm sóc nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông H, Bà Ph hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng ông H vẫn giữ yêu cầu ly hôn, Bà Ph cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông H. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng hòa giải để vợ chồng ông H, Bà Ph đoàn tụ với nhau, nhưng cả hai vẫn giữ yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ Bà Ph, ông H mong muốn có cuộc sống riêng, không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng với nhau.

[3.4] Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa ông H, Bà Ph đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận, nên ông H được ly hôn với Bà Ph.

[3.5] Về con chung: Ông H và Bà Ph có 02 con chung tên Lương Quốc H, sinh ngày 05/3/2000 và Lương Quốc Q, sinh ngày 23/02/2002. Xét nguyện vọng cũng như quyền lợi về sự phát triển toàn diện của trẻ Lương Quốc Q, trên cơ sở xem xét đầy đủ các điều kiện để được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử giao trẻ Quân cho Bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện ông Lương Bá H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2018 cho đến khi trẻ Quân đủ 18 tuổi.

[3.6] Về nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết và Bà Ph xác nhận không có. Do đó, Hội đồng đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.7] Về tài sản chung: Ông H xác nhận không có tài sản chung. Bà Ph rút lại yêu cầu phản tố về việc phân chia tài sản chung là hai căn nhà 231/71/60G BT, Phường T, Quận S và căn nhà 1560/7/22 Tỉnh lộ M, khu phố 2, phường TT, quận BTa, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Thái Tuyết Ph về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng và các đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H chịu 200.000đồng án phí ly hôn,

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Tuyết Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đồng (năm triệu đồng) cho bà Thái Tuyết Ph theo biên lai thu tiền số AA/2016/0028048 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của ông Lương Bá H.

1.1 Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Lương Bá H được ly hôn bà Thái Tuyết Ph.

1.2 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao trẻ Lương Quốc Q, sinh ngày 23/02/2002 cho bà Thái Tuyết Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 8/2018 cho đến khi trẻ Quân đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Lương Bá H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

1.3 Về tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Thái Tuyết Ph về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

1.4 Về nợ chung: Ông Lương Bá H không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) ông Lương Bá H phải chịu; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003719 ngày 14/9/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận S, ông Lương Bá H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

2.2 Về án phí cấp dưỡng nuôi con: 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng), ông Lương Bá H phải chịu.

2.3 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Tuyết Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đồng (năm triệu đồng) cho bà Thái Tuyết Ph theo biên lai thu tiền số AA/2016/0028048 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 06/12/2002 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận MM cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Lương Bá H, bà Thái Tuyết Ph được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân TPHCM;
-Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
-Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
-Ủy ban nhân dân P7, Q11 ;
-Các đương sự (để thi hành);
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân TPHCM;
-Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
-Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
-Ủy ban nhân dân P7, Q11 ;
-Các đương sự (để thi hành);
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam